| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂY HÒA**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Thanh Tâm;

Ông Tạ Hồng Hà.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Thùy Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1995;
Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1993;
Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên;
vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2019, bản tự khai, nguyên đơn Lê Thị Ngọc T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn chung sống được một thời gian thì đến tháng 11/2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bị đơn không chăm lo làm ăn, thường đi uống rượu bia về đánh nguyên đơn; gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành; hai người đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/11/2016, hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thị Ngọc T và bị đơn Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 11/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành; nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/11/2016, con hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Ngọc T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/11/2016 cho nguyên đơn Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2015/0010803 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Khánh Thoa**